TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ỨNG HÒA – TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18/2019/QĐST- DS	*Ứng Hòa, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 39/2019/TLST- DSST ngày 23 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: - Bà Lê Thị T- sinh năm 1956;
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- ,Ông Nguyễn Minh L – sinh năm 1944

Bị đơn: - Chị Nguyễn Thị C – sinh năm 1966;
- Anh Nguyễn Văn B– sinh năm 1968;

(*Anh Bẩy ủy quyền cho chị C tham gia tố tụng*)
Đều trú tại: thôn T, xã M, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về xác nhận nợ: Chị C thừa nhận vợ chồng chị (chị C và anh Bẩy) có nợ vợ chồng bà Tvà ông L số tiền là 118.700.000đ và 4,5 chỉ vàng loại bốn số

9999 (các bên thống nhất qui đổi giá trị thành tiền là 17.100.000 đồng). Tổng số tiền vợ chồng chị C nợ vợ chồng bà Tlà 135.800.000đ (*Một trăm ba mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng*).

2.2. Về phương thức trả nợ: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn B phải trả bà Lê Thị Tvà ông Nguyễn Minh L số tiền 135.800.000đ được chia thành 08 đợt. Cụ thể như sau:

- Đợt 1: Chậm nhất vào ngày 28/9/2019 tức ngày 30/8/2019 (âm lịch) chị C, anh Bẩy trả bà Thân, ông L 50.000.000đ;

- Đợt 2: Chậm nhất vào ngày 27/10/2019 tức ngày 29/9/2019 (âm lịch) chị C, anh Bẩy trả bà Thân, ông L 10.000.000đ;

- Đợt 3: Chậm nhất vào ngày 25/11/2019 tức ngày 29/10/2020 (âm lịch) chị C, anh Bẩy trả bà Thân, ông L 10.000.000đ;

- Đợt 4: Chậm nhất vào ngày 24/12/2019 tức ngày 29/11/2020 (âm lịch) chị C, anh Bẩy trả bà Thân, ông L 10.000.000đ;

- Đợt 5: Chậm nhất vào ngày 23/1/2020 tức ngày 29/12/2019 (âm lịch) chị C, anh Bẩy trả bà Thân, ông L 10.000.000đ;

- Đợt 6: Chậm nhất vào ngày 22/02/2020 tức ngày 29/01/2020 (âm lịch) chị C, anh Bẩy trả bà Thân, ông L 10.000.000đ;

- Đợt 7: Chậm nhất vào ngày 22/3/2020 tức ngày 29/02/2020 (âm lịch) chị C, anh Bẩy trả bà Thân, ông L 8.700.000đ;

- Đợt 8: Chậm nhất vào ngày 21/4/2020 tức ngày 29/3/2020 (âm lịch) chị C, anh Bẩy trả bà Thân, ông L 17.100.000đ (qui đổi 4,5 chỉ vàng).

2.3. Về lãi suất:

- Nếu chị C, anh Bẩy thực hiện đúng theo thỏa thuận nêu trên thì bà Thân, ông L không yêu cầu chị C, anh Bẩy phải trả lãi theo thỏa thuận là 1%/năm/118.700.000đồng.

- Nếu chị C, anh Bẩy thực hiện không đúng theo thỏa thuận về thời điểm thanh toán và số tiền thanh toán của bất kỳ đợt trả nợ nào thì chị C, anh Bẩy phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại và phải chịu lãi suất theo thỏa thuận của 118.700.000đ nợ gốc kể từ ngày 26/12/2016 đến ngày 20/8/2019 với lãi suất 1%/năm/118.700.000đ; không yêu cầu tính lãi đối với số vàng 4,5 chỉ loại bốn số 9999. Ngoài ra, bà Thân, ông L có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự buộc chị C, anh Bẩy thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

2.4. Về án phí: Bà Lê Thị Tvà ông Nguyễn Minh L tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.395.000 đồng (*Ba triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng*); tuy nhiên, ông bà là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên ông bà được miễn phần nghĩa vụ chịu án phí của mình là 1.697.500đ (*Một*

triệu sáu trăm chín mươi bẩy nghìn năm trăm đồng); ông bà còn phải chịu tiền án phí theo nghĩa vụ của chị C và anh Bẩy là 1.697.500đ (*Một triệu sáu trăm chín mươi bẩy nghìn năm trăm đồng*), đối trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị Tđã nộp 3.395.000 đồng *(Theo biên lai thu số 0009235 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa)*; bà Tđược hoàn lại số tiền 1.697.500đ (*Một triệu sáu trăm chín mươi bẩy nghìn năm trăm đồng*).

3. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Ứng Hòa
- THADS huyện Ứng Hòa
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Kiến